

KẾT QUẢ ĐIỂM THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH BẠC 3/6
KỲ THI NGÀY 09/03/2025

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã	Kết quả		Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
1	A3001	Võ Quốc An	20/10/2000	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	6,0	5,0	5,0	5,5	Đạt		
2	A3002	Nguyễn Tấn Bảo	12/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,5	8,0	5,0	5,0	6,0	Đạt		
3	A3003	Đỗ Thị Chi	10/02/1974	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	4,0	5,0	5,5	Đạt		Thi lại
4	A3004	Võ Thị Bé Chi	20/04/1973	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	8,0	3,0	5,0	5,0	Đạt		
5	A3005	Nguyễn Thị Hồng Diễm	08/11/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	8,0	5,0	5,0	5,5	Đạt		
6	A3006	Trần Thị Thùy Dung	15/06/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	9,0	7,0	6,0	6,5	Đạt		
7	A3007	Phan Tấn Dũng	22/09/2001	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	8,0	4,0	5,0	5,5	Đạt		
8	A3008	Nguyễn Thành Đại	06/08/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	8,0	5,0	6,0	6,0	Đạt		
9	A3009	Ngô Quang Đạt	30/09/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	7,0	3,0	4,0	4,5	Đạt		
10	A3010	Phạm Nhật Hải	27/03/2002	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	6,5	4,0	4,0	5,0	Đạt		
11	A3011	Trần Thị Thu Hạnh	30/10/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,5	8,0	6,0	6,0	6,0	Đạt		
12	A3012	Bùi Thị Mỹ Hằng	16/08/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	6,0	5,0	6,0	5,0	Đạt		
13	A3013	Huỳnh Văn Hậu	25/08/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,5	4,0	6,0	5,0	Đạt		
14	A3014	Dương Thị Lệ Hiền	01/08/1997	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	6,0	4,0	6,0	5,0	Đạt		
15	A3015	Bùi Trung Hiệp	24/04/1993	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	7,0	5,0	5,0	5,5	Đạt		
16	A3016	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	14/03/1988	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,0	7,5	5,0	6,0	5,5	Đạt		
17	A3017	Hồ Đoàn Kim Huy	09/06/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	5,5	3,0	7,0	5,0	Đạt		
18	A3018	Lê Chánh Huy	01/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,0	7,0	4,0	6,0	5,5	Đạt		Thi lại
19	A3019	Võ Quang Huy	06/07/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	8,0	7,0	4,0	5,5	Đạt		
20	A3020	Phạm Thị Mỹ Huyền	01/01/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	3,0	8,0	6,0	7,0	6,0	Đạt		

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã	Kết quả		Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
21	A3021	Trịnh Quốc	Hưng	24/07/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,0	5,0	6,0	5,5	Đạt	
22	A3022	Đoàn Bảo	Khánh	24/09/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,0	4,0	4,0	4,5	Đạt	
23	A3023	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	11/12/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	4,5	7,0	5,0	6,0	5,5	Đạt	
24	A3024	Nguyễn Văn	Lĩnh	29/07/1995	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	5,0	3,0	5,0	4,5	Đạt	
25	A3025	Nguyễn Phương	Lộc	14/05/1991	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	6,0	6,0	3,0	7,0	5,5	Đạt	
26	A3026	Lê Văn	Niên	20/10/1972	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	3,0	7,0	4,0	4,0	4,5	Đạt	
27	A3027	Lê Thị Thúy	Ngân	14/02/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	8,0	6,0	6,0	6,5	Đạt	
28	A3028	Bùi Quang	Nhàn	17/11/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	4,5	8,0	5,0	5,0	5,5	Đạt	
29	A3029	Vương Quốc	Nhật	15/04/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	5,0	7,0	4,0	6,0	5,5	Đạt	
30	A3030	Võ Thị Ái	Nhi	03/02/1989	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	7,5	5,0	6,0	6,5	Đạt	
31	A3031	Nguyễn Thị Thanh	Nhiều	04/08/1974	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	5,5	7,0	4,0	5,0	5,5	Đạt	
32	A3032	Chế Hoài	Phương	04/02/1984	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,5	7,0	5,0	4,0	6,0	Đạt	
33	A3033	Trần Thị Thu	Phương	15/08/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,5	7,5	6,0	4,0	6,5	Đạt	Thi lại
34	A3034	Nguyễn Tấn	Sang	27/09/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,0	7,5	4,0	4,0	6,0	Đạt	
35	A3035	Trần Hữu	Sơn	16/04/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	7,5	4,0	6,0	6,5	Đạt	
36	A3036	Trương Thị Minh	Tiên	13/12/1974	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	7,5	5,0	4,0	6,0	Đạt	
37	A3037	Nguyễn Quang	Toàn	12/02/1988	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,5	8,0	5,0	4,0	6,0	Đạt	
38	A3038	Nguyễn Minh	Tú	29/12/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,5	7,5	3,0	6,5	6,0	Đạt	
39	A3039	Đoàn Thị Ngọc	Tuệ	27/06/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	8,0	4,0	6,0	6,5	Đạt	
40	A3040	Kiều Thị Thu	Thảo	20/12/1973	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,5	7,5	5,0	4,0	6,0	Đạt	
41	A3041	Nguyễn Duy	Thảo	18/07/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,5	8,0	5,0	4,0	6,5	Đạt	
42	A3042	Tạ Thị Xuân	Thảo	28/02/1995	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	7,5	5,0	6,0	6,5	Đạt	
43	A3043	Nguyễn Thị	Thùy	19/02/1993	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,5	8,0	3,0	6,5	6,5	Đạt	
44	A3044	Lê Thị Thu	Thủy	25/11/1989	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	10,0	7,5	5,0	5,0	7,0	Đạt	
45	A3045	Tô Thị	Thúy	03/07/1976	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	7,5	5,0	4,0	6,5	Đạt	Thi lại

TT	SBD	Họ và Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm				Điểm trung bình đã	Kết quả		Ghi chú
							Nghe	Đọc	Viết	HT		Đạt	Không đạt	
46	A3046	Lê Thị Minh	Thư	17/10/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	8,0	8,0	6,5	8,0	Đạt	
47	A3047	Đình Văn	Trí	24/08/2002	Quảng Ngãi	Nam	H're	7,5	7,0	7,0	6,5	7,0	Đạt	
48	A3048	Thạch Thị Thanh	Trúc	22/03/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,5	7,5	6,0	4,5	6,5	Đạt	
49	A3049	Hồ Ngọc	Trung	01/12/1975	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,0	8,0	6,0	4,0	7,0	Đạt	
50	A3050	Bùi Nguyên	Trúc	14/10/2004	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	8,0	7,0	4,0	6,5	6,5	Đạt	
51	A3051	Lê Thị Hồng	Vân	06/06/1975	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,0	7,0	4,0	5,5	6,0	Đạt	
52	A3052	Lê Thị Tường	Vệ	01/06/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	7,0	8,0	4,0	4,5	6,0	Đạt	
53	A3053	Nguyễn Thị Tường	Vi	19/08/1990	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	6,0	8,0	6,0	6,0	6,5	Đạt	
54	A3054	Nguyễn Thanh	Vũ	12/07/1996	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	7,0	7,0	3,0	5,5	5,5	Đạt	
55	A3055	Nguyễn Hữu	Vương	03/02/1980	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	9,0	6,0	3,0	5,0	6,0	Đạt	
56	A3056	Nguyễn Thị Thúy	Vy	11/05/2003	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	8,5	7,5	5,0	4,0	6,5	Đạt	
57	A3057	Ka Ky	Weo	02/09/2004	Quảng Ngãi	Nam	K'dong	7,0	7,0	5,0	4,0	6,0	Đạt	
58	A3058	Phạm Thị Lê	Xuân	15/01/1974	Quảng Ngãi	Nữ	Kinh	9,0	7,5	4,0	4,0	6,0	Đạt	

Danh sách này có: 58 thí sinh, trong đó số dự thi: 58 thí sinh, số vắng thi: 0 thí sinh.